

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – TUYỀN
QUANG
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYỀN QUANG - TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tuyến và bà Triệu Thị Yên.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Tuyền Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyền Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Tuyền Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2025/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyền Quang.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Tuyền Quang.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Hoàng Văn D được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/7/2022 tại UBND xã T, tỉnh Tuyền Quang. Sau khi kết hôn chị H và anh D chung sống tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyền Quang. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến tháng 7/2024 phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, khi vợ chồng cãi nhau có xảy ra xô xát, anh D có chửi mắng, xúc phạm danh dự gia đình chị H. Chị H đã cố gắng bỏ qua

cho anh D, vợ chồng đã về chung sống lại với nhau từ đầu năm 2025 nhưng anh D không thay đổi, chị H đã khuyên bảo nhưng anh D vẫn ham chơi, không biết chăm lo cho gia đình, dẫn đến quan hệ vợ chồng giữa chị H và anh D mâu thuẫn liên tục, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cả hai nên chị H thấy hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, chị H xin ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H và anh D có một con chung là Hoàng Tuệ N, sinh ngày 01/02/2023. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị H và anh D sẽ tự thỏa thuận với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn Hoàng Văn D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Duy và chị Lương Thị H được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/7/2022 tại UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh D và chị H chung sống cùng nhau tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang được khoảng một tuần thì anh và chị H đi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh và thuê nhà ở cùng nhau tại đó. Khi chị H về nhà mẹ đẻ để nghỉ sinh còn thì anh D chuyển đến làm tại thành phố Hà Nội. Sau hai tháng ở nhà mẹ đẻ thì chị H chuyển lên nhà anh D ở đến cuối năm 2023 cả chị H và con xuống ở cùng anh D tại thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 7 năm 2024 giữa anh D và chị H xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu nhau, khi anh D đi ăn cơm, uống rượu với bạn thì chị H nói anh D và có lời lẽ xúc phạm đến mẹ của anh D nên anh D không kìm chế được, có xô xát với chị H. Thời điểm đó chị H giận anh D nên đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Về sau anh D chuyển đến làm tại tỉnh Vĩnh Phúc, chị H làm tại Phú Thọ đến khoảng tháng 9 năm 2024 anh D và chị H mới hóa giải mâu thuẫn và hàn gắn lại quan hệ vợ chồng. Đến khoảng giữa tháng 5 năm 2025 anh D và chị H lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, khi đó chị H, anh D lại tiếp tục cãi nhau. Chị H xin ly hôn, anh D vẫn muốn chị H suy nghĩ lại mà rút đơn, tại bản tự khai anh D thể hiện ý kiến nhất trí ly hôn với chị H nhưng tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh D thay đổi ý kiến, anh D không nhất trí ly hôn với chị H, anh D thấy những lý do mà chị H đưa ra để xin ly hôn với anh D không đúng, không phù hợp.

Về con chung: Anh D1 và chị H có một con chung là Hoàng Tuệ N, sinh ngày 01/02/2023. Khi ly hôn anh Duy nhất T để chị H nuôi dưỡng con chung. Anh D1 và chị H sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có ý kiến bổ

sung khác với ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn anh Hoàng Văn D thay đổi ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết, anh nhất trí ly hôn với chị H; anh Duy nhất T để chị H nuôi dưỡng con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con cùng chị H; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Lương Thị H: Cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Tuệ N, sinh ngày 01/02/2023 cho chị Lương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn D cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Lương Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (nguyên là Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang) giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn D; anh Hoàng Văn D đăng ký thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Nghị quyết về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227, 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H, anh Hoàng Văn D có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2022 tại UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang kết hôn trên tinh thần tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của chị Lương Thị H, lời khai của anh Hoàng Văn D và kết quả xác minh tại thôn T, xã T cho thấy: Quá trình chị H, anh D chung sống đã nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa hiểu nhau, chưa thông cảm cho nhau, bất đồng quan điểm sống và trong vấn đề kinh tế, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Lương Thị H và anh Hoàng Văn D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H, xử cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn D.

[2.2] Về con chung: Con chung của chị H và anh D là cháu Hoàng Tuệ N, sinh ngày 01/02/2023 (dưới 36 tháng tuổi). Lời khai của chị H và anh D đều thể hiện ý chí nhất trí để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị H không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, anh D không cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hoàng Tuệ N, sinh ngày 01/02/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc, không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị H, anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn; anh Hoàng Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn D (*Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 14/7/2022 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang - nay là xã T, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Tuệ N, sinh ngày 01/02/2023 cho chị Lương Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Lương Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Lương Thị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000877, ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 -Tuyên Quang). Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Lương Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Xuân Tuyến
Yên**

Triệu Thị

Đào Thị Bích Ngọc

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2- Tuyên Quang;
- UBND xã Tân An (nơi ĐKKH);
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc

